

Bản án số: 18/2024/HS-ST  
Ngày: 05-01-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Thắng

Bà Vũ Thị Huyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Luân- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2023/TLST - HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

**Lù Thị D;** Sinh năm 1997 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT: Bản G, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lù A P, sinh năm 1968 và bà Thào Thị C, sinh năm 1969; Chồng, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 24/7/2023 bị cáo bị Công an thành phố Lai Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định” với mức phạt 4.000.000 đồng, hiện chưa được xóa tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/10/2023, tạm giam từ ngày 07/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Giàng Thị D1, sinh năm 1999 - Trú tại: Thôn GC, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt).

*- Người làm chứng:* Chị Trang Thị N, sinh năm 1999 - Trú tại: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Khoảng tháng 5/2013, Lù Thị D xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua khu vực biên giới thuộc địa phận xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu để lấy chồng ở huyện K, tỉnh V, Trung Quốc. Sau đó, do cần căn cước công dân để làm hộ chiếu và giấy đăng ký kết hôn nên tháng 3/2023 Lù Thị D nhập cảnh trái phép về Việt Nam qua khu vực xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu để về nhà tại bản G, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Ngày 22/7/2023, Lù Thị D đến Công an thành phố Lai Châu để làm thủ tục cấp căn cước công dân thì bị Công an thành phố Lai Châu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”, hiện chưa được xóa tiền sự.

Đến đầu tháng 9/2023, Lù Thị D tiếp tục xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua đường tiểu ngạch thuộc xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Tại Trung Quốc, thông qua mạng xã hội Wechat, Lù Thị D có quen biết Giàng Thị D1 đang sinh sống tại Trung Quốc, D1 nói với D khi nào về Việt Nam thì rủ D1 về cùng, D đồng ý. Đến chiều ngày 01/10/2023, Giàng Thị D1 gọi điện qua Wechat hẹn gặp Lù Thị D ở chợ thuộc địa phận huyện K, tỉnh V, Trung Quốc. Đến nơi, D gặp Giàng Thị D1 đi cùng Trang Thị N cũng đang sinh sống tại Trung Quốc. Sau đó, D, D1 và N hẹn nhau sáng ngày 02/10/2023 cùng nhập cảnh trái phép về Việt Nam.

Sáng ngày 02/10/2023, Lù Thị D cùng Giàng Thị D1 và Trang Thị N gặp nhau tại chợ NP, Trấn KT, huyện K, tỉnh V, Trung Quốc. Sau đó, cả 03 người chui qua hàng rào biên giới và cùng nhau lội qua suối từ Trung Quốc về Việt Nam tại khu vực cột mốc 67(2) + khoảng 3.000m thuộc địa phận bản H, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Khi đi bộ lên đường mòn biên giới thuộc địa phận Việt Nam, D điện thoại cho Lê Thị Th, sinh năm 1972, trú tại xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu thuê Th chở 03 người từ đường mòn biên giới ra cửa khẩu M để bắt xe khách về nhà. Do có việc bận nên Th gọi điện cho Lê Thị Phương T, sinh năm 1978, trú tại xã M, huyện P để nhờ T đi đón D. Sau đó, T đi xe máy đến khu vực đường mòn gặp D, D1 và N. Do đường xấu nên T đưa xe cho D điều khiển chở T, D1, N đi về hướng cửa khẩu M. Hồi 15 giờ 00 phút cùng ngày, khi D chở D1, N và T đi trên đường tuần tra biên giới thuộc khu vực bản H, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng cửa khẩu M phát hiện và lập biên bản ghi nhận sự việc D, D1, N có hành vi qua lại biên giới mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lù Thị D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*Về các vấn đề khác của vụ án:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lù Thị D khai nhận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HONOR, màu trắng

bạc, kèm ốp điện thoại mà Cơ quan điều tra thu giữ là của bị cáo D có liên quan đến hành vi phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Giàng Thị D1 trình bày: Thời gian, nội dung trao đổi và quá trình di chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam phù hợp với lời khai của bị cáo D và D1, N không trả tiền hay lợi ích gì cho D. Điện thoại D1 dùng để liên lạc với D đã bị rơi mất trên đường từ Trung Quốc về Việt Nam, còn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, kèm ốp điện thoại bị Cơ quan điều tra thu giữ không liên quan đến hành vi nhập cảnh trái phép.

Người làm chứng Trang Thị N trình bày thời gian, diễn biến sự việc phù hợp với lời khai của Lù Thị D và Giàng Thị D1.

Đối với Lê Thị Th, sinh năm 1972 và Lê Thị Phương T, sinh năm 1978 đều trú tại xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu có hành vi giúp đỡ D, D1, N từ đường mòn biên giới ra cửa khẩu M vào ngày 02/10/2023. Kết quả điều tra xác định, Th và T không biết D, D1 và N nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nên không xem xét xử lý hình sự.

Hành vi của Lù Thị D đưa Giàng Thị D1 và Trang Thị N từ Trung Quốc về Việt Nam vào ngày 02/10/2023. Kết quả điều tra xác định D không nhằm mục đích vụ lợi nên hành vi của Lù Thị D không cấu thành tội “Tổ chức, môi giới cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại Điều 348 Bộ luật hình sự.

Đối với Giàng Thị D1 và Trang Thị N, ngày 02/10/2023 nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Qua xác minh D1 và N vi phạm lần đầu nên ngày 05/10/2023 Đoàn Biên phòng cửa khẩu M - Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Lai Châu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật” là có căn cứ.

Tại cáo trạng số 01/CT-VKSLC-P1 ngày 04/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Lù Thị D về tội "Vi phạm quy định về nhập cảnh" theo Điều 347 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lù Thị D phạm tội "Vi phạm quy định về nhập cảnh".

Áp dụng Điều 347, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lù Thị D từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2023.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HONOR màu trắng bạc, kèm ốp điện thoại; Trả lại cho Giàng Thị D1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, kèm ốp điện thoại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/7/2023, bị cáo Lù Thị D bị Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”. Đến tháng 9/2023, Lù Thị D lại tiếp tục xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hồi 15 giờ 00 phút ngày 02/10/2023, Lù Thị D nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam qua đường tiểu ngạch thuộc khu vực cột mốc 67(2) + khoảng 3.000m thuộc địa phận bản H, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu thì bị cơ quan chức năng phát hiện.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Ý thức được điều đó nhưng vì mục đích cá nhân nên đã thúc đẩy bị cáo phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về nhập cảnh” theo Điều 347 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe bị cáo cũng như công tác phòng ngừa chung đối với toàn xã hội. Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HONOR màu trắng bạc, kèm ốp điện thoại là của bị cáo Lù Thị D. Kết quả điều tra xác định điện thoại trên có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, kèm ốp điện thoại là của Giàng Thị D1. Kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho Giàng Thị D1 theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo Lù Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 347, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

**1. Tuyên bố bị cáo Lù Thị D phạm tội "Vi phạm quy định về nhập cảnh".**

**2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Lù Thị D 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2023.

**3. Về vật chứng của vụ án:**

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HONOR màu trắng bạc, kèm ốp điện thoại.

- Trả lại cho chị Giàng Thị D1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, kèm ốp điện thoại.

*(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 13 giờ 35 phút, ngày 06/12/2023 giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).*

**4. Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo; Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Trại Tạm giam; Người có QL, NVLQ;
- Lưu.

**Phan Thị Phương**